

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO LẦN 4**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU  
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số ..... /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây viết tắt là Chương trình).

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

### **Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các tổ chức, cơ quan đơn vị.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

4. Việc phân bổ cụ thể nguồn vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

### **Điều 3. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách Trung ương**

1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương
  - a) Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các huyện, thành phố Cà Mau căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
  - b) Căn cứ đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố Cà Mau được xác định theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.
  - c) Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.
  - d) Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của các huyện, thành phố Cà Mau theo số liệu điều tra cung cầu lao động tại phần mềm quản lý lao động của tỉnh năm 2021.
  - e) Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố Cà Mau theo số liệu công bố của cơ quan có thẩm quyền.
  - g) Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ cho các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần được quy định chi tiết theo 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo các quy định hiện hành.

### **Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, kỳ họp thứ....., thông qua ngày.....và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP.Quốc hội, VP.Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài Chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Cà Mau;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP.UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

### Phụ lục I

## **Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển** (sau đây viết tắt là ĐBKК)

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

1. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với xã ĐBKК vùng bãi ngang, ven biển.

<b>Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển</b>	<b>Hệ số</b>
Vùng bãi ngang, ven biển	1

2. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

a) Vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho xã ĐBKК vùng bãi ngang, ven biển được tính theo công thức:  **$B_i = Q \cdot X_i$**

Trong đó:

$B_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã thứ  $i$ .

$X_i$  là hệ số tiêu chí xã thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các xã ĐBKК vùng bãi ngang, ven biển để thực hiện Dự án 1.

b) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

## Phụ lục II

**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**  
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Dự án cho các huyện, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
<b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 3%	1,0
- Từ 3% đến dưới 6%	1,2
- Từ 6% đến dưới 10%	1,5
- Từ 10% trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 1.000 hộ	1,0
- Từ 1.000 đến dưới 1.500 hộ	1,2
- Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	1,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	1,8
- Từ 2.500 hộ trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn</b>	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,5
<b>Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 10 xã	1,0
- Từ 10 đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức sau:  $C_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = (0,5.XN_i) \times 2,5 + ĐV_i$

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

---

**Phụ lục III**

**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**  
 (Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022  
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

**1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp****a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Hệ số</b>
<b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 3%	1,0
- Từ 3% đến dưới 6%	1,2
- Từ 6% đến dưới 10%	1,5
- Từ 10% trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 1.000 hộ	1,0
- Từ 1.000 đến dưới 1.500 hộ	1,2
- Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	1,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	1,8
- Từ 2.500 hộ trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn</b>	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,5
<b>Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 10 xã	1,0
- Từ 10 đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

**b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố**

Vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức sau:  **$\text{Đ}_i = \text{Q} \cdot \text{X}_i \cdot \text{Y}_i$**

Trong đó:

$\text{Đ}_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$\text{X}_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$\text{Y}_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  theo công thức:  $\text{Y}_i = (0,5 \cdot \text{XN}_i) \times 2,5 + \text{ĐV}_i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện tiêu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

## 2. Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố; nguồn vốn phân bổ cho Sở Y tế thực hiện.

Tiêu chí	Hệ số
<b>Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn</b>	
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,5
<b>Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 10 xã	1,0
- Từ 10 đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5
<b>Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố</b>	
Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	1,0

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn trung ương thực hiện chương trình cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức sau:  $E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$DD_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = (0,5 \cdot XN_i) \times 3 + ĐV_i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

---

### Phụ lục IV

**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**  
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

#### 1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển.

Tiêu chí	Hệ số
<b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 3%	1,0
- Từ 3% đến dưới 6%	1,2
- Từ 6% đến dưới 10%	1,5
- Từ 10% trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 1.000 hộ	1,0
- Từ 1.000 đến dưới 1.500 hộ	1,2
- Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	1,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	1,8
- Từ 2.500 hộ trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn</b>	
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,5

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức sau:  **$I_i = Q.X_i$**

Trong đó:

$I_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ  $i$  theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3$$

$TL_i$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$QM_i$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

**2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.**

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố được thụ hưởng theo địa bàn, nguồn vốn phân bổ cho Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện.

<b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	<b>Hệ số</b>
- Dưới 3%	1,0
- Từ 3% đến dưới 6%	1,2
- Từ 6% đến dưới 10%	1,5
- Từ 10% trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	<b>Hệ số</b>
- Dưới 1.000 hộ	1,0
- Từ 1.000 đến dưới 1.500 hộ	1,2
- Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	1,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	1,8
- Từ 2.500 hộ trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn</b>	<b>Hệ số</b>
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,5

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:  $L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

$L_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,5 \cdot XN_i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

### **3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

a) Đối với vốn đầu tư phát triển

- Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương của tiểu dự án để đầu tư cho các cơ quan đơn vị được giao thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Phân bổ vốn theo danh mục dự án đầu tư cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nhu cầu thực tế của các cơ quan đơn vị được giao thực hiện, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Đối với vốn sự nghiệp

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố được thụ hưởng theo địa bàn, nguồn vốn phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện.

Tiêu chí	Hệ số
<b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 3%	1,0
- Từ 3% đến dưới 6%	1,2
- Từ 6% đến dưới 10%	1,5
- Từ 10% trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 1.000 hộ	1,0
- Từ 1.000 đến dưới 1.500 hộ	1,2
- Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	1,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	1,8
- Từ 2.500 hộ trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thành phố</b>	
- Dưới 60.000 người	1,0
- Từ 60.000 đến dưới 100.000 người	1,3
- Từ 100.000 đến dưới 150.000 người	1,7
- Từ 150.000 trở lên	2,0

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức sau:  $M_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

$M_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hộ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$

$Y_i$  là tổng hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

---

**Phụ lục V****Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

**1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố được thụ hưởng theo địa bàn, nguồn vốn phân bổ cho Sở Thông tin Truyền thông thực hiện.

<b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	<b>Hệ số</b>
- Dưới 3%	1,0
- Từ 3% đến dưới 6%	1,2
- Từ 6% đến dưới 10%	1,5
- Từ 10% trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	<b>Hệ số</b>
- Dưới 1.000 hộ	1,0
- Từ 1.000 đến dưới 1.500 hộ	1,2
- Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	1,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	1,8
- Từ 2.500 hộ trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn</b>	<b>Hệ số</b>
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,5
<b>Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>	<b>Hệ số</b>
- Dưới 10 xã	1,0
- Từ 10 đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:  $N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$

Trong đó:

$N_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,5.XN_i + ĐV_i$ .

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$D_i$  là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G-D}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

Trong đó:  $G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6;  $D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các tỉnh.

## 2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố được thụ hưởng theo địa bàn, nguồn vốn phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện.

<b>Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	<b>Hệ số</b>
- Dưới 3%	1,0
- Từ 3% đến dưới 6%	1,2
- Từ 6% đến dưới 10%	1,5
- Từ 10% trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố</b>	<b>Hệ số</b>
- Dưới 1.000 hộ	1,0
- Từ 1.000 đến dưới 1.500 hộ	1,2
- Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	1,5
- Từ 2.000 hộ đến dưới 2.500 hộ	1,8
- Từ 2.500 hộ trở lên	2,0
<b>Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn</b>	<b>Hệ số</b>
- Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,5
<b>Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố</b>	<b>Hệ số</b>
- Dưới 10 xã	1,0
- Từ 10 đến dưới 15 xã	1,3
- Từ 15 xã trở lên	1,5

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:  $P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$  quy định tại theo công thức:  $Y_i = 0,5 \cdot XN_i + ĐV_i$

$XN_i$  là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6.

---

**Phụ lục VI**

**Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

---

Nguồn vốn Dự án 7 nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 phân bổ 100% cho Văn phòng thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh để thực hiện.

---